

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08- 02 - 2023

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bạch Phiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Vinh;

2. Ông Lê Văn Dài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 330/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Bích A, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp C, thị trấn D, huyện E, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Văn B, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp F, xã G, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Chị A và anh B vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Bích A trình bày:**

Chị Lê Thị Bích A và anh Huỳnh Văn B chung sống với nhau có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương vào năm 2009, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trước khi chung sống với nhau anh chị có quen biết, tìm hiểu trước khoảng hơn 01 năm. Việc anh chị chung sống với nhau là tự nguyện.

Thời gian đầu sau khi đám cưới anh chị chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2021, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống nên dẫn đến anh chị thường hay cự cãi, anh B hay nhậu, có khi anh B nóng giận không kiềm chế được còn đánh chị A. Anh chị đã ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, trong thời gian ly thân anh chị cũng có hàn gắn nhiều lần nhưng không được. Từ đó, chị A không còn tình cảm với anh B.

Chị Lê Thị Bích A và anh Huỳnh Văn B có 02 con chung tên Lê Thanh Minh B1, sinh ngày 11/7/2010 và Lê Thanh Ngọc A2, sinh ngày 26/6/2013. Hiện nay, 02 cháu đang sống với chị A tại địa chỉ: Ấp C, thị trấn D, huyện E, tỉnh An Giang.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay chị Lê Thị Bích A yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Bích A yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Văn B.

- Về con chung: Chị Lê Thị Bích A yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu B1 và cháu A2 đến khi các cháu thành niên, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Huỳnh Văn B trình bày:*

Anh B thống nhất toàn bộ trình bày của chị A nêu trên.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị A, anh B có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh Huỳnh Văn B đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Bích A.

- Về con chung: Anh Huỳnh Văn B thống nhất giao cháu B1 và cháu A2 cho chị A được quyền nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung do chị A không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bích A: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Bích A và anh Huỳnh Văn B; Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Lê Thị Bích A và anh Huỳnh Văn B, giao cháu Lê Thanh Minh B1, sinh ngày 11/7/2010 và Lê Thanh Ngọc A2, sinh ngày 26/6/2013 cho chị A được quyền nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị A không yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung: Không có, chị A và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm: Đơn khởi kiện ngày 05/10/2022

của chị Lê Thị Bích A; Giấy khai sinh của cháu Lê Thanh Minh B1 và cháu Lê Thanh Ngọc A2; Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện; Bản khai ngày 10/01/2023 của cháu B1 và cháu A2; Biên bản lấy lời khai của đương sự Huỳnh Văn B ngày 10/01/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bích A và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Huỳnh Văn B cư trú tại ấp F, xã G, huyện H, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Lê Thị Bích A và anh Huỳnh Văn B vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị A và anh B là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Xét thấy, chị A và anh B chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2009, không có đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”*.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*.

Tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ”*.

Mặt khác, chị A và anh B xác định: Chị A và anh B chung sống với nhau không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống về nhiều việc, thường xuyên cự cãi, anh B có sử dụng vũ lực với chị A. Hiện nay, anh chị không còn tình cảm với nhau và thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Do đó, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh chị là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị Lê Thị Bích A và anh Huỳnh Văn B thống nhất có 02 con chung tên Lê Thanh Minh B1, sinh ngày 11/7/2010 và Lê Thanh Ngọc A2, sinh ngày 26/6/2013. Xét thấy, cháu B1 và cháu A2 đang sống cùng với chị A, 02 cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với chị A. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị A và anh B thống nhất thỏa thuận giao cháu B1 và cháu A2 cho chị A được quyền nuôi dưỡng. Vì vậy, để tránh việc thay đổi môi trường sống của các cháu, đảm bảo cho các cháu được phát triển đầy đủ về mặt thể chất và tinh thần, công nhận sự thỏa thuận giữa chị A và anh B tiếp tục giao cháu B1 và cháu A2 cho chị A được quyền nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên là phù hợp.

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị Bích A không yêu cầu anh Huỳnh Văn B cấp dưỡng nuôi con 02 chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị A và anh B xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị A phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bích A.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Bích A và anh Huỳnh Văn B.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Lê Thị Bích A và anh Huỳnh Văn B: Giao cháu Lê Thanh Minh B1, sinh ngày 11/7/2010 và Lê Thanh Ngọc A2, sinh ngày 26/6/2013 cho chị Lê Thị Bích A được quyền nuôi dưỡng đến khi các cháu thành niên.

Anh Huỳnh Văn B không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung, do chị Lê Thị Bích A không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, chị Lê Thị Bích A và anh Huỳnh Văn B có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; Anh Huỳnh Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thị Bích A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014431 ngày 18/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Chị Lê Thị Bích A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Huỳnh Văn B không phải chịu án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bạch Phiến